

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 6-THANH HOÁ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01 /2025/TLST-LĐ

Thanh hoá, ngày 03 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc: Yêu cầu tuyên bố hợp đồng Lao động vô hiệu

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6-THANH HOÁ

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm:

Thẩm phán -chủ tọa phiên họp: Bà Tạ Thị Hương

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Bà Lê Thị Ngọc Lan – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6-Thanh Hoá

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6-Thanh Hoá tham gia phiên họp: Bà Lê Huyền Diệu, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6-Thanh Hoá mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 01/2025/TLST-LĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc: “ *Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*” theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số : 01/ 2025/QĐST-LĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025; Quyết định hoãn phiên họp số 01/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2025 gồm những người tham gia tố tụng dưới đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Phạm Thị V sinh năm 1992

Nơi cư trú: Thôn T, xã L, tỉnh Thanh Hóa (chị V có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

-Chị Phạm Thị T sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn B, T, H, Thanh Hóa (Chị T có mặt)

-Công ty cổ phần T3 (gọi tắt là công ty T3)

Địa chỉ: Số I Quốc Lộ A phường Q, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trình Xuân L, chức vụ: chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Văn H, chức vụ: Tổng Giám đốc (ông H có mặt)

-Cơ quan bảo hiểm xã hội cơ sở B, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo pháp luật Ông Hoàng Thế T1, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Lưu Thị T2-Phó giám đốc BHXH cơ sở B- (Bà T2 có mặt)

NỘI DUNG SỰ VIỆC

Tại đơn yêu cầu ngày 09 tháng 10 năm 2025, bản tự khai và quá trình tố tụng người yêu cầu chị Phạm Thị V trình bày:

Tháng 12 năm 2009, em gái chị là chị Phạm Thị T mượn bằng tốt nghiệp cấp 2 và giấy khai sinh cùng chứng minh nhân dân của chị mang tên (Phạm Thị V) để ký

hợp đồng lao động và làm việc tại [công ty TNHH T3](#), Thanh Hoá (nay là [công ty cổ phần T3](#)). Đến tháng 6 năm 2010, em gái chị nghỉ làm tại [công ty T3](#). Do không hiểu biết pháp luật, nên chị đã cho em gái chị mượn các giấy tờ nói trên để ký hợp đồng và tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại [công ty T3](#), còn bản thân chị tháng 4 năm 2010 đã vào [N](#) và làm công nhân tại [công ty P](#), Đồng Nai. Vì vậy, quá trình đóng bảo hiểm của chị từ tháng 4 năm 2010 đến tháng 7 năm 2010 có 02 sổ bảo hiểm trùng nhau mã số 1: 7510108637 có quá trình đóng bảo hiểm từ tháng 4 năm 2010 đến tháng 7 năm 2010 tại [công ty P](#), Đồng Nai. Mã số 2 là: 3809017578 có quá trình đóng bảo hiểm từ tháng 12 năm 2009 đến tháng 6 năm 2010 tại [công ty T3](#), Thanh Hoá. Tháng 7 năm 2010, chị về Bắc, đến tháng 10 năm 2012 chị ký hợp đồng lao động và tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại [công ty T3](#). Đến tháng 4 năm 2015, chị xin nghỉ việc tại [công ty T3](#). Nay chị [V](#) làm đơn xin thanh toán tiền bảo hiểm một lần thì cơ quan Bảo Hiểm xã hội không làm cho chị vì lý do: Hiện nay, trên hệ thống bảo hiểm xã hội của chị có khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2010 có hai sổ thẻ bảo hiểm trùng nhau.

Vì vậy, chị làm đơn đề nghị Toà án nhân dân khu vực 6-Thanh Hoá tuyên bố hợp đồng lao động giữa em gái chị là [Phạm Thị T](#) (lấy tên chị [Phạm Thị V](#)) và [công ty T3](#) có quá trình tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12 năm 2009 đến tháng 6 năm 2010 là vô hiệu. Chị không đề nghị Toà án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị [Phạm Thị T](#) (em gái chị [Phạm Thị V](#)) trình bày:

Năm 2009, chị [T](#) mượn bằng cấp 2 và giấy khai sinh của chị gái là [Phạm Thị V](#) có số căn cước công dân 038192008932, địa chỉ tại [thôn T, xã L, tỉnh Thanh Hóa](#). Chị lấy tên chị [V](#) để ký hợp đồng làm công nhân tại [công ty T3](#). [Công ty T3](#) đã làm thủ tục đóng bảo hiểm cho chị từ tháng 12 năm 2009 đến tháng 6 năm 2010. Cùng thời gian đó, chị [Phạm Thị V](#) ký hợp đồng lao động và tham gia đóng bảo hiểm tại [công ty P](#), Đồng Nai. Tháng 6 năm 2010, chị nghỉ làm tại [công ty T3](#). Đến nay chị gái chị đi thanh toán bảo hiểm thì cơ quan bảo hiểm phát hiện ra từ tháng 4 năm 2010 đến tháng 6 năm 2010 chị [Phạm Thị V](#) có 02 sổ thẻ bảo hiểm trùng nhau, nên chị gái chị làm đơn đề nghị Toà án tuyên bố hợp đồng lao động được ký giữa chị (lấy tên [Phạm Thị V](#)) tham gia đóng bảo hiểm từ tháng 12 năm 2009 đến tháng 6 năm 2010 là vô hiệu, bản thân chị cũng nhất trí và không có đề nghị yêu cầu gì thêm. Đề nghị Toà án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 10/10/2025 và quá trình giải quyết đại diện [công ty T3](#) trình bày:

[Công ty T3](#) nhận được thông báo thụ lý số 01/TB-TA ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 6 –Thanh Hoá công ty có ý kiến: Căn cứ vào các tài liệu chị [V](#) xuất trình thì tháng 9 năm 2009 chị [Phạm Thị V](#) có ký hợp đồng lao động làm công nhân tại [công ty T3](#), Thanh Hoá. Công ty đã làm thủ tục đóng bảo hiểm cho chị [Phạm Thị V](#) theo quy định của pháp luật. Do công ty có nhiều công nhân, nên không thể nắm rõ việc em gái chị [V](#) lấy giấy tờ, bằng cấp của chị [V](#) để ký hợp đồng lao động với công ty. Đến nay, thời gian đã lâu nên công ty không còn lưu trữ hợp đồng của chị

T (lấy tên chị V) ký với công ty và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12 năm 2009 đến tháng 6 năm 2010 tại công ty T3. Về yêu cầu của chị Phạm Thị V phía công ty N, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản số 76/CV-BHXX ngày 23 tháng 10 năm 2025 và tại phiên họp đại diện B cơ sở B trình bày:

Ngày 15 tháng 10 năm 2025, cơ quan bảo hiểm xã hội cơ sở Bỉm Sơn nhận được thông báo số 01/TB-TA ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 6-Thanh Hoá. BHXH cơ sở B qua kiểm tra dữ liệu xác nhận : Chị Phạm Thị V sinh năm 1992 số thẻ BHXH 3809017578; CCCD số 038192008932 tại công ty T3 và số thẻ 7510108637 số CMND 173570991 tại công ty TNHH P, Đồng Nai có thời gian đóng trùng BHXH từ tháng 4 năm 2010 đến tháng 6 năm 2010. Cơ quan Bảo hiểm xã hội cơ sở B xác nhận nội dung trên để Toà án nhân dân khu vực 6-Thanh Hoá có cơ sở giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6-Thanh hoá phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng quy định của BLTT Dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị V tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Phạm Thị T (lấy tên chị Phạm Thị V) và công ty T3 có thời gian làm việc từ tháng 12 năm 2009 đến tháng 6 năm 2010 là hợp đồng vô hiệu. Chị Phạm Thị V được quyền liên hệ với cơ quan BHXH để làm thủ tục theo quy định. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu các đương sự không đề nghị giải quyết nên đề nghị không xét.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Đề nghị Toà án buộc chị Phạm Thị V phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị V có yêu cầu giải quyết việc dân sự về “*Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*” đối với hợp đồng lao động được ký kết giữa người sử dụng lao động là công ty cổ phần T3 và em gái chị là Phạm Thị T (lấy tên Phạm Thị V) có thời gian làm việc từ tháng 12 năm 2009 đến tháng 6 năm 2010 là hợp đồng vô hiệu. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 điều 33; khoản 1 điều 35; điểm V khoản 2 điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 6-Thanh Hoá.

[2] Về nội dung: Quá trình giải quyết, chị Phạm Thị V trình bày năm 2009 chị cho em gái chị là Phạm Thị T mượn bằng cấp 2, giấy khai sinh của chị để ký hợp đồng vào làm công nhân tại công ty TNHH T3, Thanh Hoá (nay là công ty cổ phần T3), lời khai của chị Phạm Thị V phù hợp với lời khai của chị Phạm Thị T trong quá trình giải quyết vụ việc, phù hợp với kết quả rà soát của cơ quan bảo hiểm xã hội cơ sở B về việc chị Phạm Thị V sinh năm 1992 số BHXH 3809017578; CCCD số 038192008932 tại công ty T3 và số sổ 7510108637 số CMND 173570991 tại công ty TNHH P, Đồng Nai có thời gian đóng trùng BHXH từ tháng 4 năm 2010 đến tháng 6 năm 2010. Như vậy, có đủ cơ sở xác định việc ký kết hợp đồng lao động giữa công ty T3 và em gái chị V là Phạm Thị T (lấy tên chị Phạm Thị V) có thời gian làm việc từ tháng 12 năm 2009

đến tháng 6 năm 2010 là hợp đồng vô hiệu vì việc chị [Phạm Thị T](#) lấy tên chị [Phạm Thị Vui Đ](#) ký kết hợp đồng có sự gian dối về mặt chủ thể, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại điều 9 Bộ Luật Lao động năm 1994. Về phía [công ty T3](#) không có lỗi, vì thời điểm ký kết hợp đồng lao động đồng công nhân, mặt khác chị [T](#) chỉ làm tại công ty trong thời gian ngắn rồi nghỉ việc nên [công ty T3](#) không thể biết được việc chị [Phạm Thị T](#) lấy bằng cấp và giấy khai sinh của chị [Phạm Thị T](#). Nay chị [Phạm Thị V](#) xin được chốt sổ bảo hiểm xã hội nhưng không được cơ quan bảo hiểm chấp nhận vì trên hệ thống tên [Phạm Thị V](#) từ tháng 4 năm 2010 đến tháng 12 năm 2010 có hai số thẻ bảo hiểm trùng nhau số thẻ BHXH 3809017578; CCCD số 038192008932 tại [công ty T3](#) và số thẻ BHXH 7510108637 số CMND 173570991 tại [công ty TNHH P](#), Đồng Nai.

Vì vậy, cần phải chấp nhận yêu cầu của chị [Phạm Thị V](#) tuyên bố hợp đồng Lao động được ký kết giữa chị [Phạm Thị T](#) (lấy tên [Phạm Thị V](#)) và [công ty T3](#) là hợp đồng vô hiệu.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu các đương sự không đề nghị Toà án giải quyết nên không xét.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị [Phạm Thị V](#) phải nộp theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào những nhận định trên

QUYẾT ĐỊNH

-Căn cứ vào khoản 1 điều 33; điểm v khoản 2 điều 39; khoản 1 điều 149 ; khoản 3 điều 367; Điều 372; Điều 401; Điều 402 Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

-Điều 6, điều 30 Bộ Luật Lao động năm 1994.

-Điều 13; 15; 16 Bộ Luật Lao động năm 2019;

-Khoản 4 điều 17 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014

-Điều 10 Nghị định 145/2020/ NQQ-CP ngày 14/12/ 2020 của Chính Phủ;

-Khoản 1 điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của [ủy ban T4](#).

1. Chấp nhận yêu cầu của chị [Phạm Thị V](#) về việc tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa người lao động chị [Phạm Thị T](#) (lấy tên chị [Phạm Thị V](#)) và người sử dụng lao động [công ty TNHH T3](#) (nay là [công ty cổ phần T3](#)) thời gian làm việc từ tháng 12 năm 2009 đến tháng 6 năm 2010 là hợp đồng vô hiệu. Chị [Phạm Thị V](#) được quyền liên hệ với cơ quan BHXH để làm các thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Quá trình giải quyết các đương sự không yêu cầu nên không xét.

3. Lệ phí giải quyết việc dân sự: chị [Phạm Thị V](#) phải nộp 300.000 đồng được trừ vào số tiền chị [V](#) đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001276 ngày 09 tháng 10 năm 2025 của cơ quan thi hành án [dân sự tỉnh T](#). Như vậy, chị [Phạm Thị V](#) đã thi hành xong khoản lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Chị [Phạm Thị V](#), chị [Phạm Thị T](#), Đại diện [công ty cổ phần T3](#), Đại diện cơ quan Bảo hiểm xã hội [cơ sở B](#) được quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong hạn 10 ngày kể từ ngày Toà án ra quyết định. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6-Thành Hoá có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Toà án ra quyết định. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Toà án ra quyết định.

Nơi nhận

- Người tham gia tố tụng
- VKSND khu vực 6-Thành Hoá
- Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh TH
- Toà án tỉnh Thanh Hoá
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN –CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Tạ Thị Hương